

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2022

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*:0100100752
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 72.539.110.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 72.539.110.000 VND
- Địa chỉ/*Address*: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 024- 3861 5365
- Số fax/*Fax*: 024- 3861 2549
- Website: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu /*Securities code*: PHN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện

Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 8 năm 2022.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ đồng Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 13 ngày 17/07/2020 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:*

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

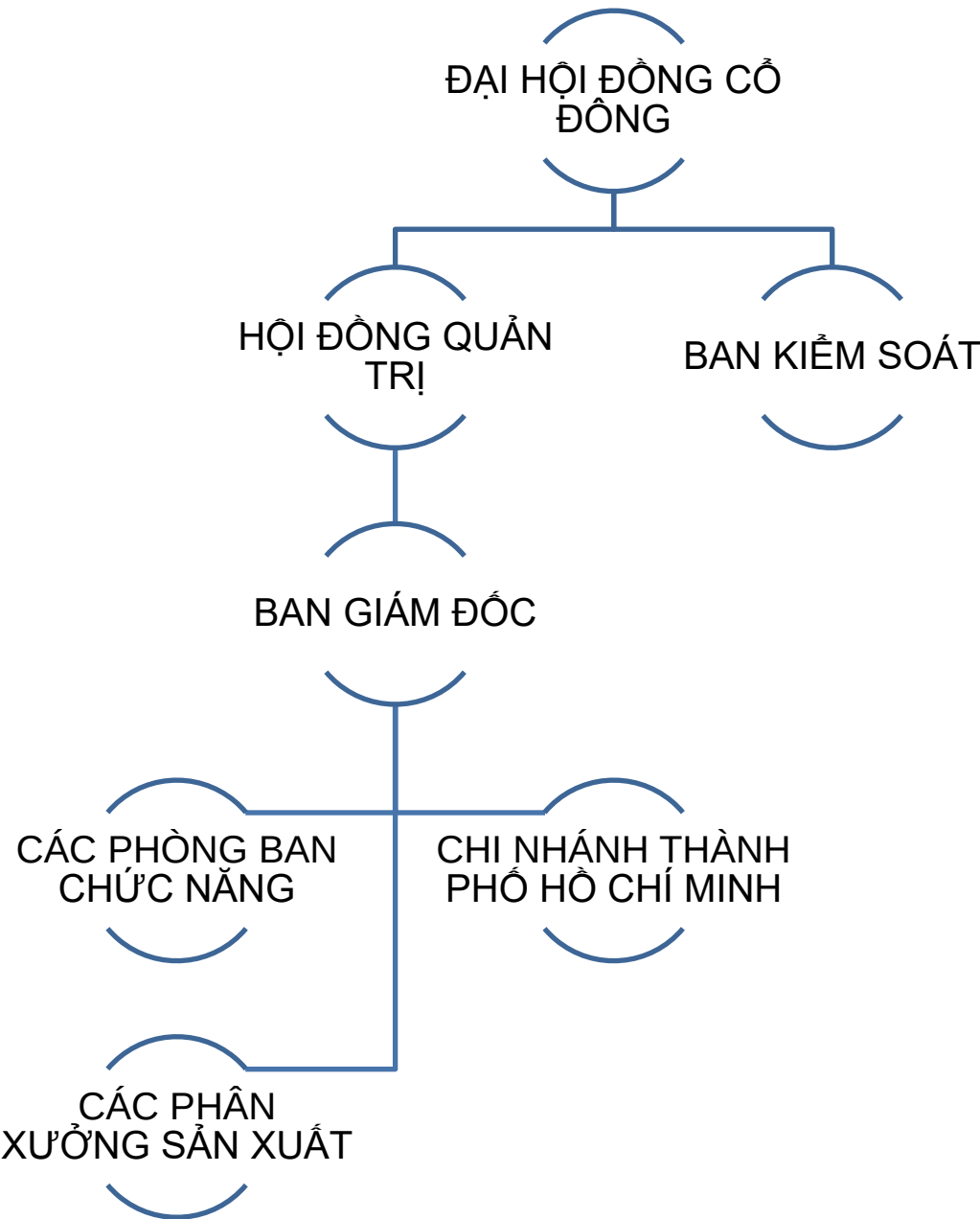
- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...
- + Công ty tái ký hợp đồng với GPBI để trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019 sau một thời gian gián đoạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

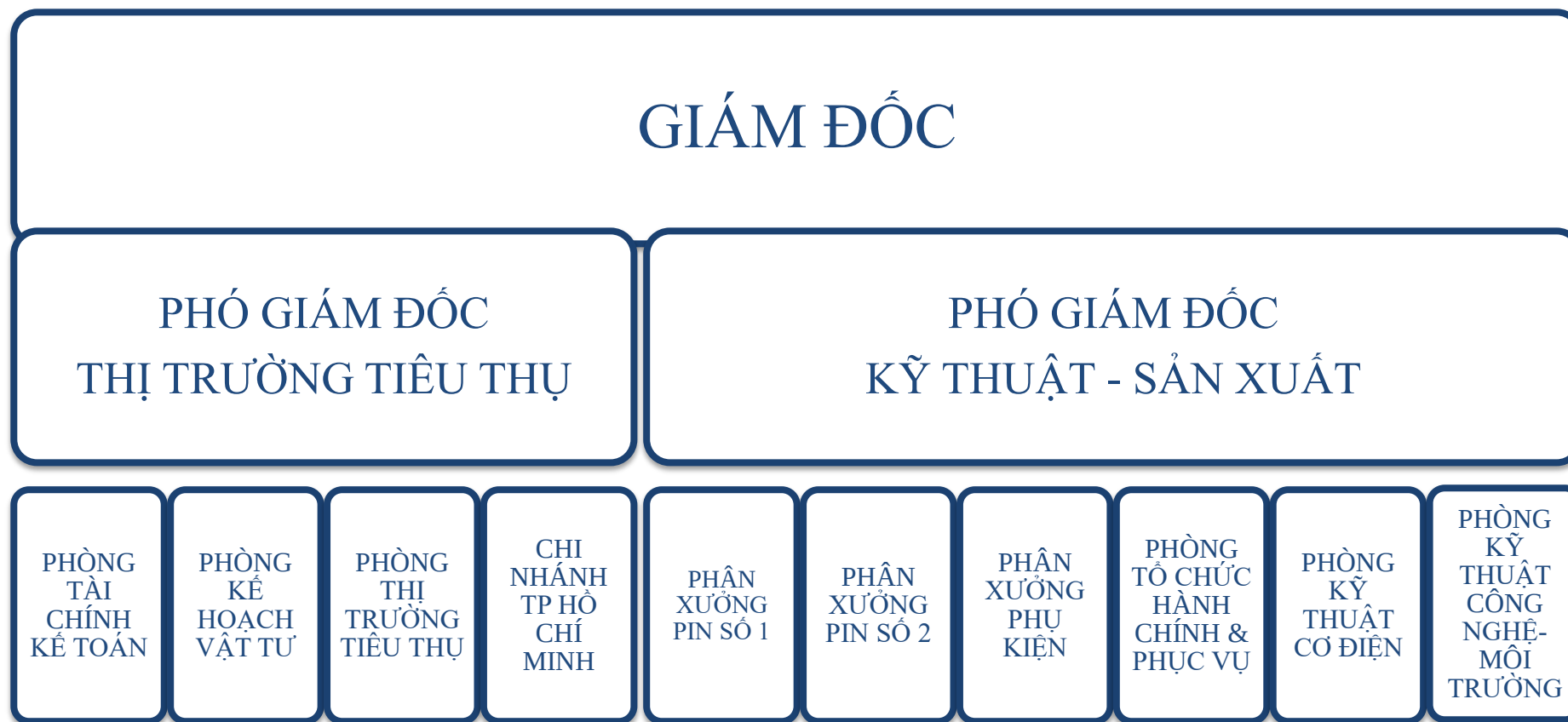
- + Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiêu ngạch.
- Nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

- Nâng cao năng lực sản xuất, đồng bộ hóa tiêu chuẩn kẽm đồng xu nhằm đáp ứng được yêu cầu cung ứng kẽm đồng xu cho Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) qua đó hạn chế tối đa nguồn kẽm đồng xu nhập khẩu, góp phần đảm bảo tỉ trọng nội địa hóa cho các sản phẩm xuất khẩu của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) đồng thời nâng cao hiệu quả cho phần vốn góp của Công ty vào Công ty liên doanh cũng như tối ưu hóa chi phí sản xuất khâu nấu cán kẽm của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phần đầu tăng bình quân 7%.

Biện pháp cụ thể:

- Đối với thị trường truyền thống: Bằng các biện pháp cụ thể và với sự hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng thị phần từ GP.

Giữ vững và tăng thị trường hiện có ở trong nước, Lào và CPC, tăng R6 và R03 bù đắp cho R20 giảm để thị trường này tăng 5%, đến năm 2027 đạt 290 triệu viên pin các loại.

- Pin thương hiệu Kodak, xuất khẩu tại chỗ và khách hàng tiêu dùng công nghiệp: Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2020 và 2021 phần đầu mỗi năm tăng 10% góp phần tăng tổng sản lượng 1%.

- Thị trường xuất khẩu thông qua GP: Phần đầu bình quân tăng >8%, bằng các biện pháp:

+ Duy trì, giữ vững và tăng sản lượng thị trường Rayovac và các thị trường hiện có.

+ Bằng mọi biện pháp đáp ứng yêu cầu nhập khẩu pin cho thị trường rất lớn của Ấn Độ và các thị trường khác.

+ Xuất khẩu pin thương hiệu “Con Thỏ” theo phân khúc tiêu dùng với mức chất lượng hiện tại theo định hướng của GP vào thị trường Đông Nam Á và Châu Phi.

- Tăng thị phần với đối tượng tiêu dùng pin thân thiện môi trường khi chính thức có sản phẩm thân thiện môi trường.

- Tập trung nguồn lực cùng với việc hỗ trợ của GP cho việc nghiên cứu thị trường trong nước đối với các sản phẩm cao cấp, kết hợp với thị trường của đã có của GP để định hướng đầu tư sản phẩm mới theo xu thế tiêu dùng pin thông qua nhập khẩu GP tiêu thụ trong nước để đánh giá thị trường.

Về hiệu quả: Phần đầu lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ > 45%/ VDL hiện tại; Trên cơ sở đó đảm bảo:

* Cổ tức 25%.

* Đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển lợi nhuận sau thuế nhằm tích lũy cho đầu tư phát triển trong tương lai

* Giữ được tỷ lệ lợi nhuận chưa phân phối nhằm bình ổn cổ tức cho những năm lợi nhuận không đảm bảo.

* Trích cho quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Về địa điểm sản xuất:

Duy trì địa điểm sản xuất hiện tại đến khi có được đối tác hợp tác chuyển đổi có hiệu quả hoặc khi bắt buộc phải di dời theo quy hoạch.

Về quản trị doanh nghiệp:

Tiếp cận và áp dụng quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế với sự hỗ trợ từ GP nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phù hợp với giá bán sản phẩm và điều kiện cụ thể của công ty.

Về vốn:

Đảm bảo an toàn về vốn.

Căn cứ mục tiêu sản lượng, căn cứ nhu cầu đầu tư thực tế xem xét tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu của công ty hoặc biện pháp khác.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chấp hành đúng pháp luật hiện hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Năm 2020 Công ty đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và đã được Quacert đánh giá, cấp chứng nhận số MT 427.21.24 cho HTQLMT của Công ty. Trong năm Công ty cũng đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn châu âu BSCI, đã được tổ chức chứng nhận Intertek của Anh đánh giá chứng nhận đạt yêu cầu.

Về dài hạn Công ty sẽ hướng tới chỉ sản xuất sản phẩm xanh đạt tiêu chuẩn “Nhãn xanh Việt Nam” và tiêu chuẩn sản phẩm xanh theo tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế. Ngoài ra Công ty sẽ nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa thêm sản phẩm, đưa ra thị trường các loại sản phẩm có mức chất lượng cao hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5. Các rủi ro/ Risks:

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.
- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.
- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kẽm thỏi (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại màu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan...

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	14,976,997,877	-	-	14,976,997,877
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,624,738,186	20,000,000	-	19,644,738,186
Các khoản cho vay	10,026,739,726	-	-	10,026,739,726
	44,628,475,789	20,000,000	-	44,648,475,789
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,129,476,056	-	-	21,129,476,056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26,220,890,449	20,000,000	-	26,240,890,449
	47,350,366,505	20,000,000	-	47,370,366,505

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	7,333,781,106	-	-	7,333,781,106
Chi phí phải trả	3,218,899,442	-	-	3,218,899,442
	10,552,680,547	-	-	10,552,680,547
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	21,870,776,420	-	-	21,870,776,420
Phải trả người bán, phải trả khác	27,184,208,621	-	-	27,184,208,621
Chi phí phải trả	2,806,903,732	-	-	2,806,903,732
	51,861,888,773	-	-	51,861,888,773

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2022 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2022/ 2021	Chênh lệch (%)	
			Năm 2021	Năm 2022		So với KH	So với 2021
1/ Sản xuất	1000 v	355.924	351.820	363.883	12.063	102,2%	103,4%
2/ Tiêu thụ	1000 v	355.924	352.383	363.307	10.924	102,1%	103,1%
Tổng hợp tiêu thụ							
<i>TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak</i>	1000 v		258.609	297.352	38.743		
<i>TS tiêu thụ XK GP</i>	1000 v		93.774	65.955	-27.819		
3/ Doanh thu (Pin các loại)	Tỷ VND	410,0	338,7	416,7	78,0	101,6%	123,02%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	44,1	38,11	46,16	8.048	104,7%	121,1%

Đánh giá:

Trong năm, năm bắt được xu thế phục hồi nền kinh tế sau khi kiểm soát và khống chế dịch Covid dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng trưởng, HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

Các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động SXKD của Công ty về cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đã được điều chỉnh.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2022 đạt được mức tăng trưởng khá ở thị trường nội địa, Công ty đã đạt được nhiều mục tiêu quan trọng bao gồm tăng trưởng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by*

the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

- Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu của Tập đoàn hóa chất Việt Nam: 144.533 cổ phần.

- Ông Nguyễn Cao Sơn Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management: Trong năm không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành. Trong năm Công ty không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./ *Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 285 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 18 người

- Lao động tuyển dụng mới: 7 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 40.776 trđ; Thu nhập bình quân 11,9 trđ/người/tháng tương đương mức thu nhập bình quân năm 2021.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3, Khu C, Khu công nghiệp Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ và 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế GP nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022-23 (Kết thúc ngày 31/3/2023) ước tính :

- Doanh thu: 313 tỷ đồng.
- Tổng nguyên giá tài sản cố định: 249 tỷ đồng; Giá trị hao mòn lũy kế 77,7 tỷ đồng
- Lỗ trong năm : 16,7 tỷ đồng
- Lỗ lũy kế: 96,6 tỷ đồng

Thuận lợi năm 2022:

- Công suất 35tr pin mỗi tháng
- Cơ sở vật chất gần như mới với 2 dây chuyền cho dòng pin R03 & R6

Khó khăn trong năm 2022:

- Bị ảnh hưởng bởi sự bấp bênh của thị trường toàn cầu do chiến tranh, nhu cầu yếu do lạm phát, giá nguyên vật liệu tăng sẽ khiến VNGP gặp nhiều thách thức
- Nhu cầu về các sản phẩm 9V đã giảm đáng kể dẫn đến phải tạm dừng hoạt động dây chuyền 9V.
- Công suất vận hành sử dụng 50% công suất nhà máy với ít đơn hàng từ bộ phận bán hàng.

Kế hoạch năm 2023:

- Sản lượng: 252,8 triệu pin, tăng 16% so với năm 2022.
- Doanh thu: 317 tỷ đồng tăng 2,5% so với năm 2022.
- Lãi: 0,9 tỷ đồng.
- Lỗ lũy kế 95,7 tỷ đồng
- Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 186 người trong nước và 2 người nước ngoài.

Thuận lợi năm 2023 :

- Nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các công ty trong cùng Tập đoàn (Trung Quốc, Malaysia và Habaco).
- Nhận tất cả các chứng nhận cho các thị trường lớn.
- Tiếp tục cải thiện hiệu quả làm việc của nhân viên bản địa để cải thiện năng suất và giảm tỷ lệ phế phẩm.
- Hợp lý hóa và tập trung vào sản phẩm cốt lõi là pin R6 & R03
- Chi phí logistic đã trở lại bình thường so với thời kỳ Covid-19

Khó khăn năm 2023 :

- Nhu cầu bị ảnh hưởng bởi tình hình thị trường không chắc chắn.
- Cần thêm sản lượng để giảm chi phí cố định đơn vị và có lãi (công suất 35tr pin /tháng, thực tế hiện tại khoảng 20 triệu pin/tháng)

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset – Inventories Short term Debt	2,25 0,81	5,30 2,36	lần lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	35,03 53,93	14,73 17,27	% %
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	4,5 2.14	5,06 3,13	lần lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	8,35 27,53 17,88 10,31	7,96 29,29 24,97 10,01	% % % %

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần:	7.253.911 cổ phần
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	7.253.911 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Cổ đông pháp nhân: 4 tổ chức nắm giữ 3.704.030 cp tương ứng 51,06% tổng số cp

Tên tổ chức	Số CP nắm giữ
GP Batteries International Limited	3.554.233
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	144.533
Công đoàn Công ty CP Pin Hà Nội	5.264
KB SECURITIES CO., LTD.	100
Cộng	3.704.130

Cổ đông thể nhân: 311 người sở hữu 3.549.781 CP tương ứng 48.93%

Trong đó 02 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: **364.350 CP** tương ứng 5,02%

Ông Lê Xuân Lương sở hữu: **421.400 CP** tương ứng 5,81%

Cổ đông trong nước: 310 cổ đông sở hữu 3.698.498 CP tương ứng 51%

Cổ đông nước ngoài: 5 cổ đông sở hữu 3.555.413 CP tương ứng 49%

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 chốt ngày 21 tháng 3 năm 2023 do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam công bố ngày 23 tháng 3 năm 2023.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2022: 262,1 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2022: 22,4 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2022: 13 tấn kg từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2022: 18 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2022: 2.343.900 Kw tương đương với mức tiêu thụ điện năm 2021.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Công ty sử dụng nước sạch do Công ty cổ phần Viwaco cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 85 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2022: 25.388 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 20 m³/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 24% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 285 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 18 người

- Lao động tuyển dụng mới: 7 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 40.776 trđ; Thu nhập bình quân 11,9 trđ/người/tháng tương đương mức thu nhập bình quân năm 2021.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2022: 394,5 triệu đồng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2022: 370 triệu đồng

- Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ đúng hạn cho toàn thể CBCNV qua đó bố trí sắp xếp việc làm phù hợp với điều kiện sức khỏe của từng NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

TT	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Tập huấn Phòng cháy chữa cháy, Thực tập thoát hiểm	33	8	264
2	Huấn luyện phương án xử lý sự cố hóa chất	13	8	104
3	Huấn luyện AT-VSLĐ cho người sử dụng lao động (nhóm 1)	24	16	384
4	Huấn luyện AT-VSLĐ cho người chuyên trách (nhóm 2)	1	40	40
5	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Điện, hàn điện, hàn hơi	16	24	384
6	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Thiết bị nâng hạ, xe nâng	40	24	960
7	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Thiết bị áp lực	23	24	552
8	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 4) Người lao động	76	16	1216
9	Huấn luyện An toàn vệ sinh viên (nhóm 6)	23	4	92
10	Huấn luyện Sơ cấp cứu (nhóm 6)	23	16	368

11	Huấn luyện ATLĐ nâng bậc lương hàng năm	2	8	16
12	Huấn luyện An toàn hóa chất	13	8	104
13	Đào tạo nâng bậc lương	2	8	16
14	Đào tạo tuyển dụng (26 công*8h)	7	208	1456
15	Đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm	3	8	24
16	Đào tạo lại QTCN, VHMMTB công đoạn nấu kẽm	2	8	16
17	Đào tạo lại công nhân thành phẩm	9	8	72
18	Đào tạo lại QTVHMMTB, ATLĐ	3	8	24
19	Đào tạo chứng chỉ chuyên môn về Y tế lao động	1	40	40
20	Đào tạo QTCN và Quản lý chất lượng sản phẩm	16	8	128
21	Đào tạo QTCN sản xuất Pin R6, R03 và quản lý CLSP	16	8	128
22	Đào tạo tiêu chuẩn phóng điện	2	8	16
	Tổng	346		6404

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015; ISO14001:2015; Hệ thống Trách nhiệm xã hội BSCI, SA-8000, Hệ thống đánh giá nội bộ. Đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội, từ thiện trong năm 2022: 164.050.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2022 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2022/ 2021	Chênh lệch (%)	
			Năm 2021	Năm 2022		So với KH	So với 2021
1/ Sản xuất	1000 v	355.924	351.820	363.883	12.063	102,2%	103,4%
2/ Tiêu thụ	1000 v	355.924	352.383	363.307	10.924	102,1%	103,1%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	1000 v		258.609	297.352	38.743		
TS tiêu thụ XK GP	1000 v		93.774	65.955	-27.819		
3/ Doanh thu (Pin các loại)	Tỷ VND	410,0	338,7	416,7	78,0	101,6%	123,02%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	44,1	38,11	46,16	8.048	104.7%	121,1%

Đánh giá:

1.1 Sản lượng sản xuất

Tổng số Pin sản xuất đạt: 363,883 triệu viên pin các loại; Đạt 92,52 % so với NQ ĐHCĐ; Đạt 102,23 % so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT; Tăng 3,43 % so với năm 2021.

1.2 Kết quả tiêu thụ:

Tổng số Pin tiêu thụ đạt: 363,308 triệu viên pin các loại; Đạt 92,37 % so với NQ ĐHCĐ; Tăng 2,08 % so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT; Tăng 3,09 % so với năm 2021.

Kẽm đồng xu bán cho Công ty TNHH Pin GP Việt Nam đạt: 454,308 tấn tăng 32,8 % so với năm 2021.

1.3 Đánh giá kết quả tiêu thụ:

a/ Đối với thị trường truyền thống:

Thị trường Nội địa:

Pin R20 tiếp tục đà suy giảm theo xu thế, năm 2022 giảm 14 % so với năm 2021.

Pin R6 tăng trưởng 28 %, Pin R03 tăng trưởng khoảng 10% so với năm 2021 do cuộc sống, sinh hoạt và các hoạt động lễ hội, du lịch của người dân sau dịch Covid 19 đã trở lại bình thường, đồng thời sản phẩm Pin Con Thỏ vẫn duy trì được lợi thế cạnh tranh về giá bán và chính sách chiết khấu nên vẫn giữ được thị phần.

Thị trường Lào và Campuchia: Do dịch bệnh đã được kiểm soát và xuất nhập cảnh giữa các nước cơ bản đã trở lại bình thường, Công ty đã cử được các đoàn công tác sang hai nước, đặc biệt là sang Lào để làm thị trường hỗ trợ bán hàng, kiểm soát đánh giá thị trường tại Lào và Campuchia, từ đó từng bước phục hồi và củng cố thị trường.

Về hoạt động của Chi nhánh Công ty tại Tp HCM: Từ 1/4/2022 Chi nhánh thực hiện quy chế bán hàng mới theo Quyết định của Công ty.

b/ Đối với khách hàng Kodak

Vẫn duy trì được khách hàng xuất khẩu Pin nhãn hiệu Kodak thông qua việc Công ty bán pin cho Công ty Global tại VN để họ xuất khẩu sang Mỹ, tuy nhiên do cuối năm 2021 đề phòng dịch bệnh nên khách hàng đã dự trữ hàng tồn khá lớn để dự phòng nên sản lượng tiêu thụ năm 2022 gộp cả hai loại pin R6, R03 giảm 23,61 % so với năm 2021.

c/ Đối với xuất khẩu

Xuất khẩu tại chỗ:

Sản lượng tiêu thụ R6 giảm 20% so với cùng kỳ 2021 do khách hàng là Công ty Handan - Hàn Quốc giảm nhu cầu, (hiện nay đang có tín hiệu phục hồi vào năm 2023). Sản lượng tiêu thụ Pin R03 khá tốt, tăng 9,12% so với cùng kỳ 2021.

Việc tìm kiếm thêm các khách hàng công nghiệp ở trong nước chưa thành công.

Xuất khẩu qua GP:

Sản lượng giảm nhiều so với mục tiêu đề ra, mặc dù 6 tháng cuối năm đã tăng rất nhiều nhưng vẫn giảm sâu so với năm 2021, cụ thể: Pin R6 giảm 57,12 % so với năm 2021, Pin R03 giảm 34,15 % so với năm 2021.

Dự án xuất khẩu Pin vào Ấn độ: Đến tháng 8/2022 tổ chức đánh giá cấp chứng nhận BIS của Chính phủ Ấn độ mới đến Công ty để kiểm toán theo Tiêu chuẩn Ấn độ IS 8144 cho sản phẩm của Công ty và đến tháng 12/2022 mới hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận do đó trong năm 2022 Công ty chưa đủ điều kiện để đón nhận đơn hàng từ Ấn độ.

d/ Đối với Pin thương hiệu GP nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam

Công ty đã hợp tác chặt chẽ với đối tác trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự bán hàng, từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở mới các nhà phân phối cho kênh bán hàng siêu thị, nhà sách... Đối tác GP cung cấp nguồn lực tài chính đảm bảo xây dựng được bước giá và chính sách chiết khấu phù hợp với diễn biến thị trường đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như quảng bá được thương hiệu hình ảnh sản phẩm đến thị trường.

1.4 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu đạt: 474,395 tỷ đồng, giảm 16,4 tỷ đồng so với NQ ĐHĐCĐ; Tăng 97,6 tỷ đồng so với năm 2021, bao gồm:

+ Doanh thu Pin các loại đạt: 422,806 tỷ đồng, Trong đó: Doanh thu Pin do Công ty sản xuất đạt: 416,686 tỷ đồng, tăng 6,686 tỷ đồng so với KH điều chỉnh của HĐQT; Doanh thu pin GP nhập khẩu đạt 6,12 tỷđ tăng 2,6 tỷđ so với năm 2021.

+ Doanh thu kèm đồng xu: 41,943 tỷ đồng, tăng 15,758 tỷ đồng so với năm 2021

+ Còn lại là Doanh thu khác.

1.3 Về chỉ tiêu Hiệu quả:

Mục tiêu năm 2022 đề ra là 34,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế,

Với tình hình giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào tăng dẫn đến chi phí sản xuất tăng so với năm 2021, do đó để đạt được mục tiêu hiệu quả công ty đã phải điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm từ ngày 1/3/2022.

Kết quả lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 46,158 tỷ đồng, tăng 8,048 tỷ đồng so với năm 2021, tăng 11,658 tỷ đồng so với NQ ĐHĐCĐ và tăng 2 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ đạt 63,63%.

1.4 Nộp ngân sách Nhà nước: Tổng nộp ngân sách trong năm 24,5 tỷ đồng theo đúng quy định của pháp luật, tăng gần 200 triệu đồng so với năm 2021.

1.5 Về đầu tư:

Danh mục đầu tư hoàn thành năm 2022

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Số kỳ khấu hao	Nguyên giá
	L02	Máy móc, thiết bị			1,562,150,641
1	TSCD979	Máy cắt via ống kẽm R6 600c/p	25/03/2022	72	1,090,340,660
2	TSCD980	Máy camera soi keo 2022	30/06/2022	72	160,500,000
3	TSCD982	máy phân tích điện hóa đa năng	01/08/2022	72	100,000,000
4	TSCD983	Camera Rostek dây chuyển Pin đơn R6	01/12/2022	72	161,000,000
5	TSCD984	Hệ thống bơm nước giếng sâu	01/12/2022	60	50,309,981
	L05	TSCĐ hữu hình khác			276,985,000
6	TSCD981	Cáp điện Lò nấu kẽm	01/06/2022	120	276,985,000
		Tổng cộng:			1,839,135,641

Các hạng mục mới đầu tư đã đưa vào vận hành, khai thác phát huy hiệu quả ngay trong quá trình sử dụng.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	106,558,328	161,396,087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,870,439,549	13,968,079,969
Các khoản tương đương tiền	-	7,000,000,000
	14,976,997,877	21,129,476,056

. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	7,569,898,823	-	6,242,722,456	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	88,447,987	-	2,488,330,267	-
GPI International Limited	6,328,273,952	-	3,754,392,189	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	1,153,176,884	-		-
Bên khác	10,565,885,603	(336,505,556)	17,382,037,566	(344,969,538)
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	1,276,300,041	-	306,597,735	-
Phải thu khách hàng khác	9,289,585,562	(336,505,556)	17,075,439,831	(344,969,538)
	18,135,784,426	(336,505,556)	23,624,760,022	(344,969,538)

. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	2,857,460,765	-		-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	2,086,419,200	-	-	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	843,249,329	-	-	-
- Đối tượng khác	56,981,766	-	8,123,401	-
	5,844,111,060	-	8,123,401	-

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	117,260,274	-	25,079,452	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	206,853,722	-	227,266,350	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	33,447,833	-	31,729,106	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	17,997,237	-	16,392,919	-
Tạm ứng	371,676,748	-	331,968,696	-
Ký cược, ký quỹ	1,000,000,000	-	2,036,815,000	-
Phải thu khác	78,223,502	-	271,848,442	-
	1,825,459,316	-	2,941,099,965	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	-	-	1,206,120	-
GPI International Limited	6,258,568	-	6,258,568	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	71,964,956	-	264,283,754	-
<i>Bên khác</i>				
Phải thu khác	1,747,235,792	-	2,669,351,523	-
	1,825,459,316	-	2,941,099,965	-
<i>Dài hạn</i>				
Ký cược, ký quỹ	20,000,000	-	20,000,000	-
	20,000,000	-	20,000,000	-

NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51,540,380	-	51,540,380	-
- Mai Ngọc Hoà	29,360,789	-	31,160,789	-
- Các khoản khác	255,604,387	-	275,188,510	12,920,141
	336,505,556	-	357,889,679	12,920,141

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46,057,838,068	(240,047,728)	72,553,367,307	(240,047,728)
Công cụ, dụng cụ	40,019,350	-	61,030,663	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6,478,948,138	-	2,655,978,015	-
Thành phẩm	7,176,527,932	-	6,212,100,752	-
Hàng hoá	4,135,597,440	-	4,767,052,864	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1,655,812	-
	63,888,930,928	(240,047,728)	86,251,185,413	(240,047,728)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	12,087,131,167	59,207,669,292	6,634,358,231	438,570,252	78,367,728,942
- Mua trong kỳ	-	1,562,150,641	276,985,000	-	1,839,135,641
- Thanh lý, nhượng bán	(191,400,000)	(7,302,237,194)	(74,523,814)	-	(7,568,161,008)
- Phân loại lại	-	364,579,890	(356,367,002)	(8,212,888)	-
- Giảm khác	-	-	-	(57,244,000)	(57,244,000)
Số dư cuối kỳ	11,895,731,167	53,832,162,629	6,480,452,415	373,113,364	72,581,459,575
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12,087,131,167	45,364,433,805	5,224,094,724	299,947,625	62,975,607,321
- Khấu hao trong kỳ	-	5,090,497,734	377,323,807	59,881,460	5,527,703,001
- Thanh lý, nhượng bán	(191,400,000)	(7,302,237,194)	(74,523,814)	-	(7,568,161,008)
- Phân loại lại	-	157,853,018	(189,883,768)	32,030,750	-
- Giảm khác	-	-	-	(57,244,000)	(57,244,000)
Số dư cuối kỳ	11,895,731,167	43,310,547,363	5,337,010,949	334,615,835	60,877,905,314
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	13,843,235,487	1,410,263,507	138,622,627	15,392,121,621
Tại ngày cuối kỳ	-	10,521,615,266	1,143,441,466	38,497,529	11,703,554,261

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.883.654.640 VND.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 97.244.000 VND.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1,637,869,963	1,637,869,963	-	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1,637,869,963	1,637,869,963	-	-
Bên khác	2,504,723,853	2,504,723,853	3,082,171,047	3,082,171,047
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	2,102,760,000	2,102,760,000	618,750,000	618,750,000
Phải trả nhà cung cấp khác	401,963,853	401,963,853	2,463,421,047	2,463,421,047
'	4,142,593,816	4,142,593,816	3,082,171,047	3,082,171,047

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Đình Vũ	35,654,850	-
- Người mua khác trả tiền trước	185,412,092	471,908,599
	221,066,942	471,908,599

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8,988,138	12,631,676,099	12,166,674,882	-	473,989,355
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398,368,901	-	282,158,157	282,158,157	398,368,901	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1,310,633,695	9,422,252,672	7,460,633,695	-	3,272,252,672
Thuế Thu nhập cá nhân	-	54,567,329	1,223,757,668	970,956,198	-	307,368,799
Thuế Tài nguyên	-	-	119,475,972	119,475,972	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3,493,580,963	3,493,580,963	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22,927,183	13,999,859	12,766,151	-	24,160,891
	398,368,901	1,397,116,345	27,186,901,390	24,506,246,018	398,368,901	4,077,771,718

. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	13,588,512
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1,711,077,491	2,239,120,581
- Chi phí phải trả khác	1,507,821,951	554,194,639
	3,218,899,442	2,806,903,732

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	90,063,137	148,745,388
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,953,999,997	11,423,533,613
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83,513,500	12,371,088,200
Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	39,000,000	108,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24,610,656	50,670,373
	3,191,187,290	24,102,037,574

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng:

Hệ thống quản lý chất lượng vẫn được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ đã phát hiện chỉ ra những điểm không phù hợp, những lỗi của người lao động để từ đó xử lý vi phạm và đề ra ngay biện pháp khắc phục phòng ngừa và cải tiến nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.

Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, quản lý sản xuất và định mức vật tư nên trong năm không hề xảy ra sự cố chất lượng sản phẩm ở mức độ nghiêm trọng, tỷ lệ phế phẩm đạt mục tiêu và sử dụng định mức vật tư đúng quy định tại tất cả các đơn vị sản xuất.

Từ năm 2020, Công ty đã sản xuất nhiều lô pin R6 xuất khẩu theo tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 (đường kính pin $\geq 13,7$ mm) và đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.

- + Về vấn đề môi trường:
Công ty áp dụng hệ thống quản lý môi trường và đã được cấp chứng chỉ ISO 14001:2015. Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việc duy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật.
- + Về chính sách đối với người lao động (BSCI):
Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI.
Tổ chức Intertek đã hoàn thành đánh giá việc tuân thủ BSCI tại công ty cho năm 2023, đã có báo cáo đánh giá vào hệ thống BSCI toàn cầu, mã số báo cáo 704-000016-001, kết quả đánh giá đạt mức C, có giá trị hiệu lực đến 6/2/2024 (hiệu lực trong vòng 1 năm từ ngày 6/2/2023 đến 6/2/2024)

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	SS với thực hiện năm 2022	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	1000 viên	385.831	22.526	6,2
2	Tổng Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	511,46	37,07	7,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43,2		
4	Cổ tức dự kiến	%	30		

Các chi phí cơ bản

Nguyên vật liệu chính và phụ có định mức được xác định trên cơ sở

- Định mức tiêu hao vật tư không thay đổi so với thực hiện của năm 2022
- Giá các loại vật tư chính chiếm tỷ trọng lớn như kẽm, mangan điện giải, muối Axetylen theo giá thị trường tại các thời điểm mua hàng.
- Tỷ giá dự kiến: VND/ USD: 25.000 đồng; Tỷ giá VND/ CNY: 3.560 đồng
- Các vật tư khác: Về cơ bản ổn định so với năm 2022

Vật liệu phụ ngoài mức: được xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2022 sau khi loại trừ các chi phí không hợp lý.

Nhiên liệu: chưa thay đổi định mức so với thực hiện của năm 2022

Điện động lực: không thay đổi định mức tiêu thụ điện so với năm 2022 và dự kiến giá điện tăng 7%

Khấu hao cơ bản: Trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ và có đầu tư mới.

Chi phí sửa chữa lớn: không thay đổi so với thực hiện của năm 2022

Chi phí cho Người Lao động:

Tổng số Lao động dự kiến 284 người

Tiền lương: tăng 10% so với ĐGTL năm 2022.

Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn: theo quy định và chế độ chính sách.

Chi phí bán hàng: 9 % doanh thu

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 85 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2022: 25.388 m³

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

Thu nhập bình quân năm 2022 của Người lao động đạt xấp xỉ 12 trđ/ng/tháng tương đương mức thu nhập bình quân năm 2021.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/
Review concerning corporate responsibility towards the local community

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian hơn 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng. Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quả tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

HĐQT ghi nhận kết quả tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2022 là khá tích cực. Đặc biệt là mức tăng trưởng của sản phẩm R6 tại thị trường nội địa trong bối cảnh nền kinh tế trong nước phục hồi sau Đại dịch Covid – 19 đồng thời từng bước phục hồi được sản phẩm Pin R20 tại thị trường Lào, qua đó tạo ra nhiều tác động thuận lợi cho hoạt động SXKD của Công ty. Ngoài ra HĐQT ghi nhận một số kết quả tích cực trong điều hành góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đạt chỉ tiêu lợi nhuận vượt mức kế hoạch đặt ra gồm:

- Tổ chức sản xuất linh hoạt, hài hòa đảm bảo cơ cấu tồn kho hợp lý đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu tăng trưởng của Thị trường đặc biệt là trong Q3 và Q4 năm 2022.
- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý môi trường và trách nhiệm xã hội theo đúng quy định.

- Kiểm soát tốt chi phí bán hàng, xây dựng chính sách chiết khấu hợp lý hiệu quả qua đó tiết giảm được chi phí bán hàng nhưng vẫn đảm bảo được khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tuy nhiên HĐQT tại các phiên họp thường kỳ đã chỉ ra những bất cập trong điều hành mà Ban Giám đốc cần nghiêm túc tiếp thu, khắc phục nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của Công ty đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

2.2 Về đầu tư:

Trong năm, Công ty đã hoàn tất đầu tư 6 hạng mục tài sản cố định với 100% là máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn, không đầu tư xây dựng cơ bản và phương tiện vận tải. Tổng giá trị đầu tư hoàn thành là 1,84 tỷ đồng.

HĐQT đánh giá các khoản đầu tư nêu trên là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của Công ty. Các khoản đầu tư cũng đã phát huy được hiệu quả góp phần bình ổn sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Công ty.

2.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 3 năm 2019. Khối lượng giao dịch trong năm không lớn do các Cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty chủ yếu với mục đích đầu tư dài hạn. Tổng khối lượng cổ phiếu giao dịch trong năm 2022 ước tính 85 ngàn cổ phiếu.

Trong năm 2022 Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam tiến hành thoái vốn thông qua đấu giá trên Sàn Giao dịch CK đối với 2% cổ phiếu của Công ty mà Tập đoàn đang nắm giữ, tuy nhiên việc đấu giá không thành công.

Trong năm, căn cứ vào qui định mới của Nhà nước về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty đã lập hồ sơ và được UBCK Nhà Nước điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài từ 49% lên 50%.

Trong năm Công ty không bị UBCKNN hoặc Sở GDCK Hà Nội nhắc nhở hay xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định đối với công ty niêm yết.

Trong năm căn cứ vào kết quả kiểm tra thuế giai đoạn 2019-2021, Sở Giao dịch CK Hà Nội đã đưa cổ phiếu của Công ty vào danh sách cổ phiếu không được giao dịch ký quỹ.

2.4 Công tác cán bộ: HĐQT yêu cầu BGĐ khẩn trương hoàn thiện qui hoạch, kiện toàn nhân sự quản lý để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công

nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

3. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết, các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc. Hội đồng Quản trị ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và yêu cầu giám đốc và BGD phải có biện pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

4. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán nhằm phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGD cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một cách hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.

- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.

- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giải quyết.

- Kien toan Ban giám đốc và một số phòng, phân xưởng, xây dựng quy hoạch và đào tạo cán bộ chủ chốt của công ty trên cơ sở cán bộ hiện có và có năng lực trình độ, có nguyện vọng làm việc và công hiến cho công ty kể cả cán bộ công nhân viên đã đến tuổi nghỉ hưu.

- Công tác điều hành và quản lý, công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*:

Stt No	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors'</i> <i>members</i>	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần năm giữ, tỉ lệ năm giữ
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>	
1	Ông: Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/04/2022		364,350 CP (5,02%)
2	Ông: Nguyễn Thanh Hùng	TV HĐQT	29/04/2022		117,980 CP (1,63%)
3	Ông: Nguyễn Cao Sơn	TV HĐQT	29/04/2022		7,723 CP (0,11%)
4	Ông: Võ Khánh Toàn	TV HĐQT	29/04/2022		16.800 CP (0,23%)
5	Bà Quek Guet Ngoh	TV HĐQT không điều hành	29/04/2022		0 CP (0%)
6	Ông Lam Hin Lap Michael	TV HĐQT độc lập	29/04/2022		0 CP (0%)
7	Ông: Yarmalu Prasad Tantry	TV HĐQT độc lập	29/04/2022		0 CP (0%)
8	Ông: Nguyễn Thanh Quang	TV HĐQT		29/04/2022	11.463 CP (0,16%)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 13 phiên họp với những nội dung cơ bản sau:

Nội dung phiên họp lần 1: 28/02/2022

- Xem xét phê duyệt việc thay đổi thành viên HĐQT
- Thảo luận và quyết định về việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2022
- Thảo luận việc chia cổ tức đợt 3 năm 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022
- Vấn đề nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027
- Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2022 do Giám đốc trình bày

Nội dung phiên họp lần 2: 09/03/2022

- Thảo luận và quyết định về thời điểm chốt danh sách cổ đông phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2022

Nội dung phiên họp lần 3: 05/04/2022

- Thông qua Nội dung, chương trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
- Thông qua báo cáo hoạt động HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022
- Thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027
- Xem xét báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Giám đốc
- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng nhiệm vụ 2022-2027
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán
- Thông qua báo cáo Ban kiểm soát năm 2021
- Thảo luận về Tờ trình Phụ cấp HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Nội dung phiên họp lần 4: 27/04/2022

- Xem xét công tác chuẩn bị Đại hội và chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Nội dung phiên họp lần 5: 29/04/2022

- Bầu ông Phạm Văn Nghĩa giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027

Nội dung phiên họp lần 6: 13/05/2022

- Thảo luận và thông qua quyết định phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT
- Công bố thông tin thành viên HĐQT độc lập của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành
- Thảo luận và thông qua phương pháp làm việc của HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027

- Kiểm điểm và đánh giá tình hình thực hiện 4 tháng đầu năm. Mục tiêu, biện pháp 8 tháng còn lại
- Thảo luận báo cáo quyết toán tài chính quý I năm 2022
- Xem xét thông qua chi trả cổ tức đợt 3 năm 2021 và dự kiến tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022
- Công tác nhân sự

Nội dung phiên họp lần 7: 17/06/2022

- Thông qua kết quả 5 tháng đầu năm
- Thảo luận về kế hoạch SXKD 7 tháng cuối năm
- Thông qua báo cáo quyết toán quý I năm 2022
- Vấn đề pin không chì

Nội dung phiên họp lần 8: 22/07/2022

- Sơ kết kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2022.
- Phê duyệt KH SXKD 6 tháng cuối năm 2022.
- Các yêu cầu đối với Giám đốc và BGD.
 - + Về sản lượng tiêu thụ.
 - + Các vấn đề tồn tại đã yêu cầu tại các phiên họp trước phải khắc phục triệt để.
 - + Vấn đề mua vật tư.
 - + Kiểm kê tài sản.
 - + Các dự án pin xuất khẩu.
 - + Vấn đề chuyển đổi công nghệ pin không chì.

Nội dung phiên họp lần 9: 31/08/2022

- Thông qua và ghi nhận kết quả kinh doanh tháng 7 và tháng 8 năm 2022.
- Dự kiến kế hoạch sản xuất 4 tháng cuối năm 2022.
- Một số nội dung cần lưu ý.

Nội dung phiên họp lần 10: 10/10/2022

- Phê duyệt KH 4 tháng cuối năm so với KH đã phê duyệt 6 tháng cuối năm.
- Kế hoạch thí nghiệm pin không chì
- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát cho báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và giải quyết các kiến nghị của BKS.
- Phân công chuẩn bị xây dựng phương án năm 2023.

- Về công tác nhân sự.

Nội dung phiên họp lần 11: 31/10/2022

- Thông qua kết quả kinh doanh tháng 9; Quý III và 9 tháng đầu năm 2022.
- Thông qua KHSXKD Quý IV năm 2022.
- Điều chỉnh KHSXKD năm 2022 của HĐQT.
- Biện pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2022
- Kế hoạch SXKD năm 2023.
- Thông qua đề nghị tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2022.

Nội dung phiên họp lần 12: 04/11/2022

- Thống nhất điều chỉnh tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt.

Nội dung phiên họp lần 13: 08/12/2022

- Thông qua kết quả tháng 10 và 10 tháng năm 2022.
- Dự kiến sơ bộ kết quả SXKD tháng 11 năm 2022.
- Đánh giá thực hiện KHSXKD năm 2022
- Báo cáo Dự án Pin không chì.
- Đánh giá và kiểm điểm việc tiêu thụ pin GP nhập khẩu.
- Các biện pháp của HĐQT.
- Tỷ lệ năm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài
- Giải trình BGD về tồn đọng tiền hàng tại Lào.
- Cân đối tài chính chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022.
- Vấn đề tài chính của VNGP cho năm tài chính 2022 – 2023.

Ngoài các nội dung họp nêu trên, HĐQT đã thực hiện những hoạt động khác trong năm như sau:

HĐQT ủy quyền cho Giám đốc tham gia đấu giá kèm thời và ký hợp đồng mua kèm thời phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và dự phòng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung sau:

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

- HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): **Không**

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/2022/PHN	01/03/2022	Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Tsui Wing Fai	100%
2	02/2022/PHN	01/03/2022	Bổ nhiệm ông Yarmalu Prasad Tantry giữ chức vụ thành viên HĐQT thay thế ông Tsui Wing Fai	100%
3	03/2022/NQ-HĐQT	09/03/2022	Chốt danh sách cổ đông phục vụ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
4	05/2022/QĐ-HĐQT	29/04/2022	Bầu ông Phạm Văn Nghĩa giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	100%
5	06/2022/QĐ-HĐQT	16/05/2022	Chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức đợt 3-2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022	100%
6	07/2022/NQ-HĐQT	16/05/2022	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	100%
7	08/2022/QĐ-HĐQT	16/05/2022	Thông qua việc cử người đại diện phần vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	100%
8	09/2022/NQ - HĐQT	31/10/2022	Chốt danh sách cổ đông tại thời điểm 30/11/2022 để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt.	100%
9	10/2022/NQ - HĐQT	31/10/2022	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022 và phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023	100%
10	11/PHN - HĐQT	31/10/2022	Quyết định bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty – kiêm thư ký công ty.	100%
11	12/2022/NQ - HĐQT	04/11/2022	Chốt danh sách cổ đông tại thời điểm 30/11/2022 để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt. (Thay thế cho Nghị quyết số 09 ngày 31/10/2022).	100%
12	13/PHN - HĐQT	31/10/2022	Quyết định người làm phiên dịch của HĐQT	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/).

Căn cứ vào điều 38 Điều lệ Công ty, căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các thành viên BKS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên trao đổi, góp ý kiến về trưởng ban để tổng hợp.

Hoạt động của Ban kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định về pháp luật, Điều lệ Công ty.

Tổ chức phiên họp cuối năm nhằm tổng kết phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành trong năm, kết quả kiểm tra, kiểm soát được gửi biên bản thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định.

Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập và luôn phối hợp với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát luôn được Công ty cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, kịp thời để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác.

Chịu trách nhiệm trước cổ đông về sự giám sát của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*:

Báo cáo về thu nhập của các UV HĐQT; BKS năm 2022:

- Quy chế tiền lương năm 2022
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017

Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Thưởng</i>	<i>Cơ công nghiệp</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	18.216.786	22.497.731	520.000	41.234.517
Phó giám đốc	14.563.479	17.985.897	520.000	33.069.376
Trưởng phòng – Quản đốc	11.212.656	10.259.580	520.000	21.992.236

Ghi chú: Mức lương trên có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT:	5.000.000/tháng
Ủy viên HĐQT:	3.000.000/tháng
Trưởng ban Kiểm soát:	3.000.000/tháng
Ủy viên Ban Kiểm soát:	2.000.000/tháng
Thư ký Công ty	2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương + thưởng</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	172.222.212	60.000.000		232.222.212
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – Giám đốc	516.129.638	36.000.000		552.129.638
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	393.135.084	36.000.000		429.135.084
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	399.541.135	36.000.000		435.541.135
Nguyễn Thanh Quang	UV HĐQT – Quản đốc PX Pin số 2. Hết nhiệm kỳ từ ĐHĐCĐ năm 2022. Thư ký công ty từ tháng 10 năm 2022	279.702.549	18.000.000		297.702.549
Quek Guet Nghoh	UV HĐQT		36.000.000	10.625.000	46.625.000
- Ông Lam Hin Lap Michael	UV HĐQT bổ nhiệm mới từ ĐHĐCĐ năm 2022		24.000.000	8.400.000	32.400.000
Ông Yarmalu Prasad Tantry	UV HĐQT bổ nhiệm mới từ ĐHĐCĐ năm 2022		30.000.000	8.750.000	38.750.000
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		36.000.000	83.333.333	119.333.333
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát, Phiên dịch HĐQT từ tháng 10 năm 2022		24.000.000	26.388.889	50.388.889
Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	274.258.373	24.000.000		298.258.373
Nguyễn Huy Vũ	Thư ký HĐQT. Chuyển công tác khác từ tháng 10 năm 2022	145.012.382	18.000.000		163.012.382
Tsui Wing Fai	UV HĐQT. Miễn nhiệm TVHĐQT tháng 3 năm 2022		6.000.000		6.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*:

- Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người liên quan: **Không**

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số cp nắm giữ đầu năm</i>	<i>Số cp nắm giữ cuối năm</i>	<i>Tăng giảm trong năm</i>
1	Cổ đông lớn			
	Lê Xuân Lương	403.000 (5,56%)	421.400 (5,81%)	+ 18.400
2	Người liên quan của Cổ đông Lê Xuân Lương			
	Lê Thị Quý	136.300	192.700	+ 56.400

Các cổ đông lớn khác và người liên quan khác không có biến động.

Ghi chú: Biến động nắm giữ cổ phiếu của Công ty trong năm được tham chiếu từ danh sách do VSD chốt ngày 24/12/2021 tính cho số đầu năm và ngày 30/11/2022 tính cho số cuối năm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: **Không có**

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty

mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

***Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc Công ty***

Nơi nhận:

- *Công bố thông tin*
- *HĐQT, Ban Kiểm soát*

- *Lưu HC, Thư ký Công ty*

Nguyễn Thanh Hùng